

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2024
“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Mãng, ông Tần A Sênh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Lù Thị C**, sinh năm: 1991 – *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.* Địa chỉ: **Bản L, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

2. Bị đơn: anh **Lò Văn N**, sinh năm 1985 – *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.* Địa chỉ: **Bản L, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị **Lù Thị C** trình bày: Về hôn nhân: Chị **Lù Thị C** và anh **Lò Văn N** sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009. Việc sống chung trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày, nguyên nhân anh **Lò Văn N** thường xuyên đi uống rượu và có hành vi đánh tôi nhiều lần, vợ chồng không thể bàn bạc chung để quyết định bất cứ công việc gì trong cuộc sống hàng ngày, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thay đổi được. Xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn ai quan tâm đến ai mục đích hôn nhân không đạt được chị **Lù Thị C** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lò Văn N**.

Về con chung: Vợ chồng chị **Lù Thị C** và anh **Lò Văn N** có hai con chung là cháu **Lò Thùy L** – sinh ngày 15/6/2010 và cháu **Lò Quang M** – sinh ngày 08/10/2015. Sau khi ly hôn về con chung anh **Lò Văn N** có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung chị **Lù Thị C** nhất trí.

Về cấp dưỡng nuôi hai con chung anh **Lò Văn N** đề nghị chị **Lù Thị C** cấp dưỡng nuôi hai con chung, số tiền cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng cả hai con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng chuyển vào tài khoản của anh **Lò Văn N**. Chị **Lù Thị C** nhất trí cấp dưỡng cho cả hai con chung số tiền 3.000.000 đồng còn phương thức cấp dưỡng chị **C** đề nghị được cấp dưỡng trực tiếp.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Vợ chồng chị **Lù Thị C** anh **Lò Văn N** tự thỏa thuận, không có đề nghị gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Bị đơn anh **Lò Văn N**: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Lò Văn N**. Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh **N** trình bày:

Về hôn nhân: anh **Lò Văn N** và chị **Lù Thị C** có chung sống với nhau từ năm 2010 như vợ chồng. Việc chung sống trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn anh **Lò Văn N** không muốn ly hôn với chị **Lù Thị C**, chị **Lù Thị C** và anh **Lò Văn N** hiện nay không cùng chung sống với nhau, hiện nay chị **Lù Thị C** đi đâu thì anh không biết, anh **Lò Văn N** có nguyện vọng được hòa giải đoàn tụ với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: anh **Lò Văn N** và chị **Lù Thị C** có hai con chung là cháu **Lò Thùy L** – sinh ngày 15/6/2010 và cháu **Lò Quang M** – sinh ngày 08/10/2015. Sau khi ly hôn anh **Lò Văn N** có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Tòa án đã lấy ý kiến của hai con chung, cháu **Lò Thùy L** và cháu **Lò Quang M**, hai cháu có nguyện vọng được ở với bố do hiện nay không biết mẹ đang ở đâu. Về cấp dưỡng nuôi con: anh **Lò Văn N** đề nghị chị **Lù Thị C** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền là 1.500.000 đồng cả hai con chung là 3.000.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng chuyển vào tài khoản của anh **Lò Văn N**. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Vợ, chồng anh **Lò Văn N** và chị **Lù Thị C** tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: anh **Lò Văn N** đề nghị chị **Lù Thị C** phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Anh **N**, chị **C** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Sơn Hòa, tỉnh Lai Châu.*

Về thủ tục Tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị **Lù Thị C** và anh **Lò Văn N** chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn hiện nay không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Lù Thị C** và anh **Lò Văn N**. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cả hai con chung là cháu **L1 Thùy L** và cháu **Lò Quang M** cho anh **Lò Văn N** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị **Lù Thị C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **L1 Thùy L** và cháu **Lò Quang M** mỗi cháu số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu **L** và cháu **M** đủ 18 tuổi trưởng thành. Về án phí: Chị **Lù Thị C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Anh **Lò Văn N** và chị **Lù Thị C** chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Chị **Lù Thị C** nộp đơn về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, tại Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đối với anh **Lò Văn N**; địa chỉ: **bản L, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Chị có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị **C** theo quy định.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ly hôn giữa chị **Lù Thị C**, anh **Lò Văn N** đều cư trú tại **xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Tòa án tổng đạt các văn bản cho anh **Lò Văn N** và chị **Lù Thị C**, anh **Lò Văn N** và chị **Lù Thị C** đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị **Lù Thị C** và anh **Lò Văn N** chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên không còn hạnh phúc, cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa chị **C** và anh **N** không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **C** và anh **N** theo quy định của pháp luật. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Xét điều kiện, hoàn cảnh, ý kiến của các đương sự và của hai cháu nên giao cả hai con chung là cháu **Lò Thùy L** – sinh ngày 15/6/2010 và cháu **Lò Quang M** – sinh ngày 08/10/2015 cho anh **Lò Văn N** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Chị **Lù Thị C** nhất trí để anh **Lò Văn N** chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại các văn bản trình bày thể hiện chị **C**, anh **N** thỏa thuận thống nhất: chị **Lù Thị C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **L1 Thùy L** và cháu **Lò Quang M** mỗi cháu số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng cho đến khi cháu **L1 Thùy L** và cháu **Lò Quang M** đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKS huyện Sìn Hồ tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Chị **Lù Thị C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm a

khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lù Thị C** ly hôn với anh **Lò Văn N**. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Lù Thị C** và anh **Lò Văn N** theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cả hai con chung cháu **Lò Thùy L** – sinh ngày 15/6/2010 và cháu **Lò Quang M** – sinh ngày 08/10/2015 cho anh **Lò Văn N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **Lù Thị C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **L1 Thùy L** và cháu **Lò Quang M** mỗi cháu số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng cho đến khi cháu **L1 Thùy L** và cháu **Lò Quang M** đủ 18 tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 26/8/2024.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục chung. Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Lò Văn N** và chị **Lù Thị C** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị **Lù Thị C** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị **C** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000627 ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: chị **Lù Thị C** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Lùng Thàng, huyện Sìn Hồ,
tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA